| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆ NAM** |
| **VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 381./2019/CTIN-VB | *Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019* |
| *V/v: Giải trình một số nội dung liên quan đến BCTC năm 2017, 2018* | |

**Kính gửi:** Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX")

**Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện** ("CTIN") xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở giao dịch. Theo yêu cầu tại công văn số 1562/SDGHCM-NY của HSX ngày 23/08/2019, Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học xin được giải trình một số nội dung cần làm rõ trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và năm 2018 của Công ty như phía dưới.

**Các nội dung giải trình:**

1. **Đề nghị Công ty lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018 phù hợp với quy định tại Chương VIII, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất.**

   *Trả lời:*

   - ✓ Năm 2017 và năm 2018, Công ty đã lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (LCTT) hợp nhất theo phương pháp trực tiếp thay vì phương pháp gián tiếp do Công ty không nắm bắt được Quy định tại Chương VIII, **Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014**.

   - ✓ Để phù hợp với quy định tại tại Chương VIII Thông tư 202/2014/TT-BTC, Công ty đã phát hành lại BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018 trong đó Báo cáo LCTT được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Đối với BCTC kiểm toán riêng lẻ 2017:**

2. **Thuyết minh 15: Cung cấp thông tin chi tiết việc thay đổi giá trị trích lập dự phòng đầu năm và cuối năm khoản đầu tư vào Công ty liên kết - CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện.**

   *Trả lời:*

   - ✓ Năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh ("SXKD") của CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện gặp nhiều khó khăn, kết quả SXKD ghi nhận lỗ vượt vốn chủ sở hữu. Theo quy định Công ty phải trích lập dự phòng toàn bộ số vốn đã góp vào công ty này (20.000.000.000 VND);

   - ✓ Căn cứ BCTC năm 2016 chưa được kiểm toán của Công ty CP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện lập tại ngày 31/12/2016 (tức ngày 01/01/2017), vốn chủ sở hữu của CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện tiếp tục âm nên giá trị trích lập dự phòng vẫn là 20.000.000.000 VND.

   - ✓ Năm 2017, CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện đạt kết quả kinh doanh tốt, vốn chủ sở hữu ghi nhận tại ngày 31/12/2017 là 40.304.368.187 VND. Theo quy định

Công ty phải thực hiện hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư này trong năm, cụ thể như sau:

**Số được hoàn nhập trong năm**

= (20.000.000.000/47.528.000.000) x 40.304.368.187

= 16.959.977.187 VND

*(Trong đó: 20 tỷ VND là vốn thực góp của CTIN; 47,528 tỷ VND là vốn thực góp của của CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện tại ngày 31/12/2017)*

- Số dư trích lập 31/12/2016 (tức 01/01/2017) là : 20.000.000.000 VND
- Số hoàn nhập trong năm 2017 : 16.959.977.187 VND
- Số dư còn trích lập tại ngày 31/12/2017 : 3.040.022.813 VND

**3. Thuyết minh 22: Cung cấp thêm thông tin về khoản *Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra năm 2016* và *Thuế truy thu và phạt chậm nộp*.**

*Trả lời:*

**4.1. Thông tin về khoản *Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra năm 2016*:**

Căn cứ quyết định số 1027/QĐ-TTr ngày 15/11/2017 của Thanh tra Bộ tài chính, yêu cầu thực hiện nộp Ngân sách nhà nước số tiền thuế TNDN phải nộp là 1.861.335.665 VND phát hiện qua thanh tra tài chính năm 2016.

Nguyên nhân dẫn đến việc tăng số thuế TNDN phải nộp trên là do: Các khoản điều chỉnh giảm chi phí, tăng doanh thu dẫn đến tăng lợi nhuận và làm tăng số thuế TNDN phải nộp năm 2016. Chính vì vậy, Công ty đã điều chỉnh các khoản chi phí, doanh thu, lợi nhuận và số thuế TNDN phải nộp năm 2016. Cụ thể các khoản điều chỉnh như sau:

| TT | Diễn giải | Giá trị (VND) |
|---|---|---|
| 1 | Điều chỉnh giảm chi phí khấu hao TSCĐ phần vượt quy định do Công ty đã thực hiện khấu hao nhanh trong năm 2016. | 99.543.361 |
| 2 | Hoàn nhập lại chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm 2016, do đến thời điểm kiểm tra khoản công nợ này khách hàng đã trả. | 8.196.115.284 |
| 3 | Chuyển chi phí thanh lý hàng hóa tồn kho năm 2016 sang năm 2017 do quyết định thanh lý ký trong năm 2017. | 792.837.863 |
| 4 | Tăng doanh thu cho thuê mặt bằng do Công ty bị sót chưa hạch toán năm 2016. | 218.181.818 |
| 5 | Tổng cộng lợi nhuận năm 2016 tăng = (1)+(2)+(3)+(4) | **9.306.678.326** |
| 6 | Thuế TNDN năm 2016 phải nộp thêm do lợi nhuận tăng = (5)*20% | **1.861.335.665** |

**4.2. Thông tin về khoản *Thuế truy thu và phạt chậm nộp:***

*Trả lời:*

✓ Trong năm 2017, Công ty nhận được các công văn, thông báo sau:

- Thông báo số 1348/TB-CT-KTT2 ngày 12/01/2017 "*V/v yêu cầu nộp tiền chậm nộp thuế theo quyết định QĐ 31561 ngày 31/12/2012; QĐ 27615 ngày*

*22/7/2013; QĐ 38940 ngày 30/09/2013*" của Cục thuế Hà Nội.

- Quyết định số 1027/QĐ-TTr của Thanh tra Bộ tài chính ngày 15/11/2017 "*V/v yêu cầu nộp tiền thuế TNDN tăng thêm phát hiện trong việc Thanh tra Tài chính năm 2016*"
- Thông báo 94130/TB-TB07-CCT ngày 16/10/2017 của chi cục thuế quận Hai Bà Trưng "*V/v thông báo về tiền nộp và tiền chậm nộp thuế đất phi nông nghiệp 2017*"

✓ Các khoản tiền phạt, chậm nộp đã được Công ty nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2017. Cụ thể như sau:

| TT | Ngày nộp tiền | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 19/01/2017 | Tiền chậm nộp các khoản thuế truy thu năm 2012, 2013 *(theo thông báo số 1348/TB-CT-KTT2 của Cục thuế Hà Nội)* | 25.048.620 |
| 2 | 31/03/2017 | Tiền phạt chậm nộp cho 80% thuế TNDN năm 2016 *(Tại 31/03/2017 sau khi thực hiện kiểm toán BCTC, lợi nhuận năm 2016 của Công ty tăng so với số liệu Công ty dự tính. Công ty đã làm tờ khai quyết toán tự nộp số tiền phạt chậm nộp cho phần thuế tăng lên.)* | 23.723.744 |
| 3 | 11/09/2017 | Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2014 do (i) Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đối với dịch vụ Công ty đã sử dụng năm 2014, (ii) Các chi phí sử dụng dịch vụ này không được coi là hợp lệ khi tính lợi nhuận trước thuế của Công ty khiến cho lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty tăng, dẫn đến tiền thuế TNDN năm 2014 phải nộp tăng. | 845.849 |
| 4 | 31/10/2017 | Tiền chậm nộp thuế đất phi nông nghiệp 2017 *(theo thông báo 94130/TB-TB07-CCT chi cục thuế quận Hai Bà Trưng) (*)* | 260.876 |
| 5 | 27/11/2017 | Tiền phạt vi phạm hành chính thuế TNCN do chậm nộp tờ khai năm 2015 | 1.400.000 |
| 6 | 30/09/2017 | Tiền thuế TNDN 2016 nộp bổ sung *(theo quyết định 1027/QĐ-TTr của Thanh tra Bộ tài chính)* | 1.861.335.665 |
| 7 | 07/12/2017 | Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2016 *(Công ty chủ động nộp tiền chậm nộp, số tiền chậm nộp được tính dựa trên số tiền thuế TNDN 2016 Công ty phải nộp bổ sung theo quyết định 1027/QĐ-TTr của Thanh tra Bộ tài chính)* | 127.873.760 |
| | | **Tổng cộng** | **2.040.488.514** |

*(*) Đây là một khoản phạt vi phạm hành chính. Theo quy định tại Điều 9, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, chi phí này không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế mà sẽ được hạch toán vào LNST chưa phân phối.*

Do không nắm rõ các thông tin cần công bố bất thường khi có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế, Công ty đã chưa công bố thông tin này theo quy định tại Thông tư 155/ Điều 9/ Khoản1/ Điểm p. Công ty cam kết sẽ nỗ lực khắc phục những

sai sót của mình và không lặp lại lỗi tương tự trong tương lai.

**4. Thuyết minh 27: Cung cấp thông tin về khoản *Cổ tức nhận được chia.***

*Trả lời:*

✓ Năm 2017 Công ty có đầu tư tài chính vào các công ty (chi tiết theo thuyết minh số 15).

✓ Các khoản Cổ tức được nhận trong năm 2017:

Căn cứ

- Thông báo chia cổ tức đợt 1, 2 của Công ty Cổ phần ITTA;
- Thông báo chia cổ tức năm 2016 của CTCP Dịch vụ kỹ thuật viễn thông Hà Nội;
- Thông báo chia cổ tức năm 2016 của CTCP Đầu tư phát triển công nghệ và truyền thông.

✓ Công ty đã nhận được tiền từ các khoản cổ tức trên. Cụ thể như sau:

| TT | Ngày nhận cổ tức | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 20/01/2017 | CTCP ITTA trả cổ tức đợt 1 năm 2016 | 480.000.000 |
| 2 | 27/02/2017 | CTCP ITTA trả cổ tức đợt 2 năm 2016 | 480.000.000 |
| 3 | 01/03/2017 | CTCP Dịch vụ kỹ thuật viễn thông Hà nội trả cổ tức năm 2016 | 6.000.000.000 |
| 4 | 27/11/2017 | CTCP Đầu tư phát triển công nghệ và truyền thông trả tiền cổ tức năm 2016 | 50.000.000 |
| | | **Tổng cộng** | **7.010.000.000** |

**5. Thuyết minh 28: Cung cấp thông tin về khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính.**

*Trả lời:*

✓ Trong năm 2017, CTCP Công nghệ truyền thông Việt Nam và CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện có vốn góp của Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh hiệu quả, lỗ lũy kế giảm nên Công ty đã hoàn nhập dự phòng theo quy định. Cụ thể:

- Năm 2017, CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện đạt kết quả kinh doanh tốt, vốn chủ sở hữu ghi nhận theo BCTC chưa được kiểm toán năm 2017 tại ngày 31/12/2017 là 40.304.368.187 VND. Theo quy định Công ty phải thực hiện hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư này trong năm, cụ thể như sau:

  **Số được hoàn nhập trong năm**

  = (20.000.000.000/47.528.000.000) x 40.304.368.187

  = 16.959.977.187 VND

  *(Trong đó: 20 tỷ VND là vốn thực góp của CTIN; 47,528 tỷ VND là vốn thực góp của của CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện tại ngày 31/12/2017)*

  - Số dư trích lập 31/12/2016 (tức 01/01/2017) là : 20.000.000.000 VND
  - Số hoàn nhập trong năm 2017 : 16.959.977.187 VND
  - Số dư còn trích lập tại ngày 31/12/2017 : 3.040.022.813 VND

- Năm 2017, CTCP Công nghệ truyền thông Việt Nam đạt kết quả kinh doanh tốt, vốn chủ sở hữu ghi nhận theo BCTC đã được kiểm toán năm 2017 tại ngày 31/12/2017 là 190.485.548.225 VND. Theo quy định Công ty phải tính toán lại số trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2017 và hoàn nhập lại số chênh lệch chi phí dự phòng đã có từ đầu năm, cụ thể như sau:

  **Số được hoàn nhập trong năm**

  = (244.850.000.000 - 190.485.548.225) / 244.850.000.000 x 5.366.000.000

  = 619.513.333 VND

  *(Trong đó: 5,366 tỷ VND là vốn thực góp của CTIN; 244,850 tỷ VND là vốn thực góp của của CTCP Công nghệ truyền thông Việt Nam tại ngày 31/12/2017)*

  - Số dư trích lập 31/12/2016 (tức 01/01/2017) là : 1.810.934.216 VND
  - Số hoàn nhập trong năm 2017 : 619.512.333 VND
  - Số dư còn trích lập tại ngày 31/12/2017 : 1.191.421.883 VND

✓ Chi tiết các khoản hoàn nhập cụ thể như sau:

| TT | Ngày hạch toán | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 30/06/2017 | Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào CTCP Công nghệ truyền thông Việt Nam | 196.152.240 |
| 2 | 31/12/2017 | Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào CTCP Công nghệ truyền thông Việt Nam | 423.360.093 |
| 3 | 30/06/2017 | Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện | 10.762.159.230 |
| 4 | 31/12/2017 | Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện | 6.197.817.957 |
| | | **Tổng cộng** | **17.579.489.520** |

**6. Thuyết minh 29: Cung cấp thông tin về khoản chi phí bằng tiền khác và khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.**

*Trả lời:*

**7.1. Thông tin về khoản *Chi phí bằng tiền khác***

✓ **Thông tin về khoản *Chi phí bằng tiền khác thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp***

| TT | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|
| 1 | Ăn giữa ca | 2.516.610.507 |
| 2 | Công tác phí | 344.609.221 |
| 3 | Xăng xe, phí cầu đường, sửa chữa xe | 652.087.347 |
| 4 | Tiếp khách, ngoại giao | 1.931.242.899 |
| 5 | Văn phòng phẩm | 753.955.338 |
| 6 | Chi phí hội họp | 595.001.229 |

| TT | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|
| 7 | Chi phí đào tạo | 1.809.813.660 |
| 8 | Chi phí làm thầu | 314.147.855 |
| 9 | Thù lao hội đồng quản trị | 2.845.861.748 |
| 10 | Bán hàng FOC | 2.638.752.604 |
| 11 | Tiền đồng phục | 780.365.000 |
| 12 | Chi phí sửa chữa khác | 83.622.078 |
| 13 | Quà tặng | 225.568.114 |
| 14 | Chi phí khác | 3.647.637.073 |
| | **Tổng cộng** | **19.139.274.673** |

✓ **Thông tin về khoản *Chi phí bằng tiền khác thuộc chi phí bán hàng***

Bán hàng FOC (Free of charge: hàng không thanh toán chỉ để tặng, loại hàng này được sử dụng trong giao dịch buôn bán, thương mại): **1.589.500.000 VND**

**7.2. Thông tin về khoản *Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi***

✓ Cuối năm 2016, Công ty đã trích lập chi phí dự phòng của một số khoản công nợ phải thu khó đòi của CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện và Tổng công ty Hạ tầng mạng.

✓ Năm 2017, Công ty đã thu hồi được các khoản công nợ này nên Công ty đã hoàn nhập dự phòng lại theo quy định. Cụ thể như sau:

| TT | Ngày hạch toán | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 30/06/2017 | Hoàn trích chi phí dự phòng phải thu khó đòi của Công ty CP Thương mại Viễn thông tin học bưu điện | 11.963.307.324 |
| 2 | 31/12/2017 | Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với Công ty CP Thương mại Viễn thông tin học bưu điện | 324.474.041 |
| 3 | 31/12/2017 | Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi hợp đồng số 269 ngày 6/11/2006 – Tổng công ty Hạ tầng mạng | 1.699.207.355 |
| 4 | 31/12/2017 | Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi hợp đồng số 269/2007/HĐ/VNP-CTIN – Tổng công ty Hạ tầng mạng | 290.838.123 |
| **Tổng phát sinh trong kỳ** | | | **14.277.826.843** |

**Báo cáo tài chính hợp nhất 2017:**

**7. Cung cấp thông tin chi tiết các giao dịch tại Thuyết minh 35 "Nghiệp vụ và số dư với các bên lên quan" đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.**

*Trả lời:*

Về Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan, Công ty xin trình bày như sau:

✓ **Các bên liên quan của Công ty:**

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước<br>Đại diện vốn là thành viên HĐQT của Công ty |
| CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | Công ty liên kết [1]<br>Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Tô Hoài Văn, Hoàng Anh Lộc)<br>Có Trưởng ban kiểm soát là thành viên HĐQT của Công ty (Nguyễn Ngọc Sơn) |
| Công ty cổ phần ITTA | Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Hoàng Anh Lộc)<br>Là công ty nhận khoản đầu tư Dài hạn của CTIN |
| CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội | Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Tô Hoài Văn, Nguyễn Thế Thịnh)<br>Là công ty nhận khoản đầu tư Dài hạn của CTIN |

✓ **Về Nghiệp vụ và Số dư với các bên liên quan:**

- Công ty không có các giao dịch theo **khoản 1, 2, 3 Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**

  (1) Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

  (2) Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

  (3) Công ty đại chúng không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức.

- Các giao dịch theo khoản 4 **Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**:

[1] Ngày 20/07/2019, CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30519/NQ/ĐHĐCĐ-VDI ngày 30/05/2019 từ 50 tỷ VND lên 105 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu của CTIN tại CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt giảm từ 22% (30/06/2019) xuống còn 19% tại thời điểm ngày 20/07/2019. Từ ngày 20/07/2019, CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

(4a) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội VND quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

(4b) Công ty không có giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

- Các giao dịch theo khoản 5 **Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**:

Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp để thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ Công ty thông qua các nghị quyết:

- Nghị quyết HĐQT năm 2016 ngày 10/4/2016 "*V/v thông qua kế hoạch SXKD 2016 và Giao quyền chủ động cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại khoản 1, điều 162 luật DN. để thực hiện kế hoạch 2016*";

- Nghị quyết HĐQT năm 2017 ngày 10/5/2017 "*V/v thông qua kế hoạch SXKD 2017 và Giao quyền chủ động cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại khoản 1, điều 162 luật DN. để thực hiện kế hoạch 2017*".

Chi tiết các giao dịch cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

| TT | Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2017 |
|---|---|---|---|
| **I. Bán hàng** | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | **1.272.838.722.377** |
| | | *Bán thiết bị CNTT (Thiết bị mạng MANE 27 tỉnh/ Thành phố; MANE Hà Nội; MANE 24 tỉnh và thiết bị dự phòng)* | *409.867.284.116* |
| | | *Bán thiết bị vô tuyến* | *512.576.695.472* |
| | | *Bán thiết bị GPON (mạng quang thụ động)* | *71.403.338.800* |
| | | *Bán thiết bị nguồn DC cho các trạm vô tuyến* | *183.682.170.603* |
| | | *Bán thiết bị Wifi* | *3.910.580.900* |

| TT | Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2017 |
|---|---|---|---|
| | | *Cho thuê thiết bị phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng* | *13.940.778.539* |
| | | *Cho thuê thiết bị viễn thông khác (Dịch vụ cho thuê và giám sát thiết bị)* | *9.093.360.592* |
| | | *Cung cấp dịch vụ di chuyển lắp đặt thiết bị viễn thông và vật tư phụ trợ* | *64.384.535.819* |
| | | *Cung cấp dịch vụ lời nhắn thoại "chuyển đổi giọng nói thành văn bản"* | *1.155.328.312* |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *781.876.203* |
| | | *Bán phần mềm AIS* | *2.042.773.021* |
| 2 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **48.977.965.046** |
| | | *Bán hàng hóa thiết bị CNTT* | *48.632.680.399* |
| | | *Cho thuê mặt bằng làm văn phòng* | *103.691.414* |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Sổ xố điện toán* | *241.593.233* |
| 3 | Công ty cổ phần ITTA | Cho thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng khu vực phía Nam năm 2017 | **1.392.620.860** |
| **II. Mua hàng** | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Mua dịch vụ cước phí điện thoại, internet, email, ... | **297.747.282** |
| 2 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | **Tổng cộng** | **831.350.000** |
| | | *Mua xe ô tô đang sử dụng của HTE* | *600.000.000* |
| | | *Mua dịch vụ giám sát, hòa mạng trạm di động 4G mạng Vinaphone* | *231.350.000* |
| 3 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **84.218.449.612** |
| | | *Thuê dịch vụ chăm sóc khách hàng xổ số điện toán và dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *1.457.094.208* |
| | | *Mua tệp khách hàng đang sử dụng mạng điện thoại Mobifone để triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank) trong lĩnh vực Tài chính tiêu dùng* | *3.051.606.904* |
| | | *Mua hàng hóa thiết bị phụ vụ các dự án kinh doanh khối chính phủ doanh nghiệp của Công ty* | *79.709.748.500* |
| 4 | Công ty cổ phần ITTA | **Tổng cộng** | **1.012.964.889** |
| | | *Chi phí xin giấy phép kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng* | *760.000.000* |

| TT | Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2017 |
|---|---|---|---|
| | | *Thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong tòa nhà C-Land tại Hà Nội* | *252.964.889* |
| **III. Cổ tức đã trả** | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Công ty trả cổ tức năm 2016 | **10.117.108.000** |
| **IV. Cổ tức nhận được** | | | |
| 1 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | Công ty nhận cổ tức năm 2016 | **6.000.000.000** |
| 2 | Công ty cổ phần ITTA | Công ty nhận cổ tức năm 2016 | **960.000.000** |
| **V. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT được hưởng trong năm** | | | |
| 1 | Lương và các quyền lợi gộp khác | | **11.522.911.836** |

Số dư với các bên liên quan:

*Đvt: VND*

| TT | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Các khoản phải thu** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | **784.210.964.931** | **36.749.764.703** |
| | | *Cung cấp Accu cho các trạm thiết bị viễn thông* | - | *15.790.984.728* |
| | | *Bán thiết bị CNTT (Thiết bị mạng MANE 27 tỉnh/ thành phố; MANE Hà Nội; MANE 27 tỉnh và thiết bị dự phòng)* | *212.204.569.453* | - |
| | | *Bán thiết bị vô tuyến* | *373.666.056.698* | - |
| | | *Bán thiết bị GPON* | *32.538.735.000* | *12.286.421.541* |
| | | *Bán thiết bị nguồn DC cho các trạm vô tuyến* | *122.340.179.219* | - |
| | | *Bán thiết bị Wifi* | *2.844.312.607* | - |
| | | *Cho thuê thiết bị phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng* | *2.160.154.123* | *6.573.255.689* |
| | | *Cung cấp dịch vụ di chuyển lắp đặt thiết bị viễn thông* | *37.500.033.412* | *2.099.102.745* |
| | | *Cung cấp dịch vụ lời nhắn thoại "chuyển đổi giọng* | *894.020.171* | - |

| TT | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|
| | | *nói thành văn bản"* | | |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *62.904.248* | - |
| 2 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **-** | **45.191.595.194** |
| | | *Bán sản phẩm điện thoại VNPT 5G* | - | *20.483.896.649* |
| | | *Cung cấp thiết bị Cisco* | - | *20.660.537.373* |
| | | *Cung cấp thiết bị Cisco* | - | *3.956.308.430* |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Sổ xố điện toán* | - | *90.852.742* |
| 3 | Công ty cổ phần ITTA | **Tổng cộng** | **317.534.203** | **1.184.718.367** |
| | | *Tiền thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng trong các tòa nhà cao tầng khu vực phía Nam năm 2016* | - | *1.184.718.367* |
| | | *Tiền thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng trong các tòa nhà cao tầng khu vực phía Nam năm 2017* | *317.534.203* | - |
| **II. Các khoản phải trả** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Trả tiền cho dịch vụ cước phí điện thoại, internet, email, ... | **265.166.289** | **311.431.344** |
| 2 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | **Tổng cộng** | **351.714.578** | **290.743.616** |
| | | *Mua xe ô tô* | *330.000.000* | - |
| | | *Mua dịch vụ giám sát, hòa mạng trạm di động 4G mạng Vinaphone* | *21.714.578* | *290.743.616* |
| 3 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **3.355.094.358** | **1.047.301.914** |
| | | *Thuê dịch vụ chăm sóc khách hàng xổ số điện toán và dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *303.487.454* | *96.197.360* |
| | | *Mua dịch dịch vụ triển khai hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh với VPB và MBF trong lĩnh vực Tài chính tiêu dùng* | *3.051.606.904* | - |
| | | *Mua hàng hóa thiết bị phục vụ các dự án kinh doanh khối Chính phủ* | - | *951.104.554* |

| TT | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|
| | | *doanh nghiệp của Công ty* | | |
| 4 | Công ty cổ phần ITTA | **Tổng cộng** | **836.000.000** | **310.156.757** |
| | | *Chi phí xin giấy phép kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng* | *760.000.000* | - |
| | | *Thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong tòa nhà C-land tại Hà Nội* | *76.000.000* | *310.156.757* |
| **III. Người mua trả tiền trước** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | **552.594.986** | **812.025.989** |
| | | *Công ty bị VNPT phạt chậm tiến độ khi thực hiện hợp đồng cung cấp thiết bị GPON năm 2016 cho VPNT. Khoản tiền phạt này được xem như khoản tiền VNPT đã trả trước cho hợp đồng này.* | - | 812.025.989 |
| | | *Công ty nhận trước tiền cho số hàng hoá sẽ bàn giao theo hợp đồng cung cấp thiết bị mạng máy tính* | 231.570.986 | - |
| | | *Công ty nhận trước tiền cho số thiết bị sẽ bàn giao theo hợp đồng cung cấp Accu* | 321.024.000 | - |

**Báo cáo tài chính riêng 2018:**

**8. Thuyết minh 7-8: Cung cấp thông tin chi tiết về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Cập nhật tình hình các khoản nợ đến thời điểm hiện tại.**

*Trả lời:*

✓ Trong năm 2018, Công ty thực hiện trích lập dự phòng là 798.324.024 VND, cụ thể như sau:

*Đơn vị: VND*

| Công ty | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty Hạ tầng mạng | 1.985.142.587 | 1.222.935.266 | 762.207.321 |
| Trung tâm kinh doanh VNPT Tp. Hồ Chí Minh | 1.015.346.480 | 979.229.777 | 36.116.703 |

| Công ty | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
|---|---|---|---|
| **Tổng cộng** | **3.000.489.067** | **2.202.165.043** | **798.324.024** |

- ✓ Cơ sở pháp lý trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo đúng quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.
- ✓ Cập nhật tình hình các khoản nợ này đến thời điểm hiện tại:

*Đơn vị: VND*

| Công ty | 31/12/2018 | 30/06/2019 | 30/09/2019 |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty Hạ tầng mạng | 1.985.142.587 | 0 | **0** |
| Trung tâm kinh doanh VNPT Tp. Hồ Chí Minh | 1.015.346.480 | 1.015.346.480 | 0 |
| **Tổng cộng** | **3.000.489.067** | 1.015.346.480 | **0** |

**9. Thuyết minh 9: Chi tiết khoản "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang" 440,49 tỷ VND.**

*Trả lời:*

Chi tiết khoản "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang" của Công ty như sau:

| TT | Dự án | Số tiền (VND) |
|---|---|---|
| 1 | Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều hòa KK; tủ điện; tủ phân phối; lưu điện UPS- Trung tâm Dịch vụ Tài Chính cho ban quản lý dự án Bộ Tài Chính (HĐ: 155/2018/HĐ/BQL) | 62.685.192.698 |
| 2 | Cung cấp phần mềm danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phát triển CP điện tử Việt Nam (HĐ: 2408/2018) | 44.800.477 |
| 3 | Cung cấp phần mềm danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Phase 2) (HĐ: 2109/2018) | 14.657.164 |
| 4 | Cung cấp nguồn điện một chiều (DC) cho Chi nhánh Miền Nam (HĐ: 2111/2018/HĐKT/KHKD) | 462.991.112 |
| 5 | Dự án tạm nhập tái xuất thiết bị để đo kiểm chứng nhận hợp quy theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông (thiết bị Huawei) | 7.500.000 |
| 6 | Cung cấp thiết bị EMC và Oracle bổ sung cho dự án NMS cho Mobifone | 14.961.330.035 |
| 7 | Trang bị thiết bị mạng Metro tại các tỉnh Đông Nam Bộ cho Mobifone (HĐ: TC/37-17 và HĐ: TC/42-17) | 137.059.927.317 |
| 8 | Cung cấp thiết bị PURCHASING OF RAN 2G/3G EQUIPMENT cho Mobifone tại khu vực TPHCM (HĐ: TECH/TCT-576-18) | 48.217.018.766 |
| 9 | Cung cấp thiết bị PURCHASING OF RAN 2G/3G EQUIPMENT cho Mobifone tại khu vực Miền Bắc (HĐ: | 21.155.502.926 |

| TT | Dự án | Số tiền (VND) |
|---|---|---|
| | TECH/TCT-585-18) | |
| 10 | Chi phí lắp đặt thiết bị viba chống nghẽn mạng Mobifone tại Miền Trung | 43.103.636 |
| 11 | Trang bị thiết bị mạng Metro các tỉnh Tây Nam Bộ cho Mobifone (HĐ: TECH/TCT-598-18) | 84.072.848.995 |
| 12 | Dự án Upgrade PCRF System ror LTE Roll-Out 3 cho Mobifone (HĐ: TECH/TCT-600-18-MOBIFONE) | 26.167.221.104 |
| 13 | Cung cấp thiết bị PURCHASING OF RAN 2G/3G HUAWEI EQUIPMENT cho Mobifone tại các tỉnh Miền Bắc (HĐ: TECH/TCT-602-18) | 27.762.425.650 |
| 14 | Nâng cao chất lượng mạng vô tuyến khu vực TP Hồ Chí Minh cho Mobifone (HĐ: TECH/TCT-607-18-MOBIFONE) | 44.689.035 |
| 15 | Chi phí cải tạo phòng máy, phòng nguồn node DWDM Đông Hà, Quảng Trị, HĐ 90/2018/HĐ-ĐVTĐN | 222.712.999 |
| 16 | Kiểm tra, bảo dỡng thiết bị outdoor định kỳ khu vực Quảng Trị, Huế năm 2018, HĐ 91/2018/HĐ-ĐVTĐN | 70.188.355 |
| 17 | Hiệu chỉnh các tuyến truyền dẫn viba nhằm đảm bảo chất lượng mạng lưới phục vụ khách hàng, HĐ 95/2018/HĐ-ĐVTĐN | 1.768.000 |
| 18 | Bảo dưỡng viba và BTS khu vực Khánh Hoà | 13.920.000 |
| 19 | Công tác xử lý điểm đen khu vực Khánh Hoà và Phú Yên | 37.007.910 |
| 20 | Di chuyển và xử lý các trạm cho Mobifone khu vực Miền trung | 58.104.000 |
| 21 | Hàng hóa thiết bị dự án MobileID (xác thực qua điện thoại di động) mạng Vinaphone | 7.069.304.750 |
| 22 | Dịch vụ trả sau cho người gọi (COLLECT CALL-PAY FOR ME) cho Vinaphone, HĐ 36/2015 | 163.371.118 |
| 23 | Gói thiết bị và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho phần mềm PACs – Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, HĐ 02-2016 | 231.517.369 |
| 24 | Khảo sát, thiết kế hệ thống IBS (hệ thống phủ trong trong các tòa nhà cao tầng) tòa nhà N01-T18 khu Ngoại Giao Đoàn cho Công ty Vinasa. | 70.697.575 |
| 25 | Dự án Vietnammobile | 43.203.544 |
| 26 | Trang bị vật tư, thiết bị nguồn 48V nguồn DC phục vụ dự án vô tuyến năm 2017-2018 (HĐ: 220318/VNPT Net-CTIN; 22/03/2018) | 5.787.641.304 |
| 27 | Dự án tạm nhập tái xuất thiết bị để lắp đặt thử nghiệm CloudAir | 3.661.000 |
| 28 | Thiết kế, cung cấp và đo kiểm nâng cấp hệ thống truyền dẫn Huawei phía Nam năm 2018 (HĐ: 1312/2018/VNPT Net-CTIN) | 285.744.025 |

| TT | Dự án | Số tiền (VND) |
|---|---|---|
| 29 | Dự án dịch chuyển tuyến cáp thông tin dọc quốc lộ 1A, đoạn tuyến từ Km 1031+200 đến Km 1033+850, HĐ 1574/2017 | 460.000 |
| 30 | Ứng cứu ổ cứng hệ thống Storage Netapp | 61.302.000 |
| 31 | Công trình xây lắp hệ thống tiếp đất nút mạng sử dụng 137 cọc đồng | 63.070.000 |
| 32 | Cung cấp dịch vụ kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng theo HĐ: S1VN2017102701WBF1 – Dự án VNM Mega | 852.566.771 |
| 33 | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Chi nhánh Miền Nam | 2.759.673.073 |
| | **Tổng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ 31/12/2018** | **440.495.122.708** |

**10. Thuyết minh 22: Chi tiết khoản *Thuế truy thu và phạt chậm nộp.***

*Trả lời:*

✓ Trong năm 2018, Công ty nhận được các công văn, quyết định sau:

- Quyết định số 10099/QĐ-CT-KTT2 của Cục thuế Hà Nội) ngày 16/03/2018 "*V/v xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua việc chấp hành pháp luật về thuế- Thời kỳ kiểm tra năm 2016*"
- Quyết định số 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày 30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội "*V/v xử phạt vi phạm hành chính về thuế - Thời kỳ kiểm tra năm 2017*"

✓ Các khoản tiền phạt, chậm nộp đã được Công ty nộp vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

| TT | Ngày nộp tiền | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 02/02/2018 | Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 | 260.876 |
| 2 | 14/03/2018 | Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2016 *(theo quyết định 10099/QĐ-CT-KTT2 của Cục thuế Hà Nội)* | 372.267.133 |
| 3 | 29/03/2018 | Tiền phạt do chậm nộp thuế TNDN năm 2017 của Cục thuế Hà Nội | 16.399.488 |
| 4 | 31/03/2018 | Tiền thuế TNDN của năm 2014 phải nộp thêm do (i) Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đối với dịch vụ Công ty đã sử dụng năm 2014, (ii) Các chi phí sử dụng dịch vụ này không được coi là hợp lệ khi tính lợi nhuận trước thuế của Công ty khiến cho lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty tăng, dẫn đến tiền thuế TNDN năm 2014 phải nộp tăng. | 2.904.700 |
| 5 | 30/11/2018 | Tiền thuế TNDN năm 2017 phải nộp bổ sung (*theo quyết định 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày* | 121.802.218 |

| TT | Ngày nộp tiền | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| | | *30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội)* | |
| 6 | 30/11/2018 | Tiền thuế TNCN năm 2017 phải nộp bổ sung (*theo quyết định 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày 30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội)* | 115.354.350 |
| 7 | 30/11/2018 | Tiền phạt 20% số thuế TNDN năm 2017 phải nộp bổ sung (*theo quyết định 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày 30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội)* | 48.057.947 |
| 8 | 30/11/2018 | Tiền phạt chậm nộp các loại thuế năm 2017 phải nộp bổ sung theo (*theo quyết định 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày 30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội)* | 17.928.610 |
| 9 | 30/11/2018 | Tiền thuế GTGT năm 2017 phải nộp bổ sung theo (*theo quyết định 79044/QĐ-CT-KTT2 ngày 30/11/2018 của Cục thuế Hà Nội)* | 3.133.169 |
| | | **Tổng cộng** | **698.108.491** |

Do không nắm rõ các thông tin cần công bố bất thường, Công ty đã chưa công bố thông tin này theo quy định tại Thông tư 155/ Điều 9/ Khoản1/ Điểm p. Công ty cam kết sẽ nỗ lực khắc phục những sai sót của mình và không lặp lại lỗi tương tự trong tương lai.

**11. Thuyết minh 27: Chi tiết khoản *Cổ tức nhận được chia.***

*Trả lời:*

- ✓ Danh sách các Công ty liên kết, Đầu tư tài chính đã có trong thuyết minh số 27.
- ✓ Các khoản Cổ tức được nhận trong năm 2018:

  Căn cứ:

  - Thông báo chia cổ tức đợt 1 năm 2017 & cổ tức còn lại của các năm (2013-2016) của Công ty cổ phần ITTA;
  - Thông báo chia cổ tức năm 2017, cổ tức năm 2018 (đợt 1&2) của Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật viễn thông Hà Nội;
  - Thông báo chia cổ tức năm 2017 của Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ và truyền thông.
- ✓ Công ty đã nhận được tiền từ các khoản cổ tức trên. Cụ thể như sau:

| TT | Ngày nhận cổ tức | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | 02/01/2018 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Trả cổ tức năm 2017 | 12.000.000.000 |
| 2 | 22/08/2018 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Trả cổ tức lần 1 năm 2018 | 3.300.000.000 |
| 3 | 01/10/2018 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Trả cổ tức lần 1/2018 | 225.000.000 |
| 4 | 14/11/2018 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà | 11.025.000.000 |

| TT | Ngày nhận cổ tức | Nội dung | Tiền (VND) |
|---|---|---|---|
| | | Nội trả cổ tức lần 2/2018 | |
| 5 | 06/02/2018 | Công ty CP ITTA – T. toán tiền cổ tức đợt 1 năm 2017 | 640.000.000 |
| 6 | 18/10/2018 | Công ty CP ITTA – trả cổ tức còn lại các năm 2013-2016 | 566.400.000 |
| 7 | 30/06/2018 | Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ và truyền thông trả cổ tức năm 2017 | 50.000.000 |
| | | **Tổng cộng** | **27.806.400.000** |

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018**

**12. Cung cấp thông tin chi tiết các giao dịch tại Thuyết minh 35 "Nghiệp vụ và số dư với các bên lên quan" đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.**

*Trả lời:*

Về Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan, Công ty xin trình bày như sau:

✓ **Các bên liên quan của Công ty:**

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước<br>Đại diện vốn là thành viên HĐQT của Công ty |
| CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | Công ty liên kết [2]<br>Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Tô Hoài Văn, Hoàng Anh Lộc)<br>Có Trưởng ban kiểm soát là thành viên HĐQT của Công ty (Nguyễn Ngọc Sơn) |
| Công ty cổ phần ITTA | Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Hoàng Anh Lộc)<br>Là công ty nhận khoản đầu tư Dài hạn của CTIN |
| CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội | Có cùng thành viên HĐQT (Nguyễn Trí Dũng, Tô Hoài Văn, Nguyễn Thế Thịnh)<br>Là công ty nhận khoản đầu tư Dài hạn |

[2] Ngày 20/07/2019, CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30519/NQ/ĐHĐCĐ-VDI ngày 30/05/2019 từ 50 tỷ VND lên 105 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu của CTIN tại CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt giảm từ 22% (30/06/2019) xuống còn 19% tại thời điểm ngày 20/07/2019. Từ ngày 20/07/2019, CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| | của CTIN |

✓ **Về Nghiệp vụ và Số dư với các bên liên quan:**

- Công ty không có các giao dịch theo **khoản 1, 2, 3 Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**

  (1) Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

  (2) Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

  (3) Công ty đại chúng không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức.

- Các giao dịch theo khoản 4 **Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**:

  (4a) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội VND quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

  (4b) Công ty không có giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

  - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

  - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

  - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

- Các giao dịch theo khoản 5 **Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017**:

  Hội đồng quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp để thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ Công ty thông qua các nghị quyết sau:

  - Nghị quyết HĐQT năm 2017 ngày 10/5/2017 "*V/v thông qua kế hoạch SXKD 2017 và Giao quyền chủ động cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại khoản 1, điều 162 Luật Doanh nghiệp. để thực hiện kế hoạch 2017*";

  - Nghị quyết HĐQT năm 2018 ngày 28/5/2018 "*V/v thông qua kế hoạch SXKD 2018 và Giao quyền chủ động cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng kinh tế với các đối tượng quy định tại khoản 1, điều 162 Luật Doanh nghiệp. để thực hiện kế hoạch 2018*"

Chi tiết các giao dịch cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

*Đvt: VND*

| I | Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2018 |
|---|---|---|---|
| **I. Bán hàng** | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | **1.575.172.265.145** |
| | | *Bán thiết bị CNTT (Thiết bị mạng MANE 27 tỉnh/ Thành phố; MANE Hà Nội; MANE 24 tỉnh và thiết bị dự phòng)* | *697.082.470.600* |
| | | *Bán thiết bị vô tuyến* | *444.915.621.030* |
| | | *Bán thiết bị GPON* | *75.479.619.229* |
| | | *Bán thiết bị nguồn DC cho các trạm vô tuyến* | *156.556.422.825* |
| | | *Bán hệ thống thiết bị ảo hóa tại trung tâm dữ liệu IDC Nam Thăng Long* | *19.933.454.928* |
| | | *Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện.* | *33.678.985.454* |
| | | *Cung cấp và lắp đặt thiết bị cho trung tâm dữ liệu IDC.* | *36.009.596.595* |
| | | *Cung cấp thiết bị Firewall* | *1.411.092.000* |
| | | *Cung cấp và lắp đặt mạng máy tính* | *19.230.286.868* |
| | | *Cho thuê thiết bị phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng* | *11.950.323.773* |
| | | *Cho thuê thiết bị Viễn thông khác (Dịch vụ cho thuê và giám sát thiết bị)* | *8.146.517.505* |
| | | *Cung cấp dịch vụ di chuyển lắp đặt thiết bị viễn thông và vật tư phụ trợ* | *54.056.902.699* |
| | | *Cung cấp dịch vụ lời nhắn thoại "chuyển đổi giọng nói thành văn bản"* | *958.513.591* |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *673.010.117* |
| | | *Bán SIM điện thoại* | *15.089.447.931* |
| 2 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **130.189.112.126** |
| | | *Bán thẻ cào điện thoại* | *129.811.861.868* |
| | | *Cho thuê mặt bằng làm văn phòng công ty* | *151.547.535* |
| | | *Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Sổ xố điện toán* | *225.702.723* |
| 3 | Công ty cổ phần ITTA | Cho thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng khu vực phía Nam năm 2018 | **860.676.051** |
| 4 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | Bán thanh lý xe ô tô và cho thuê văn phòng | **1.230.000.000** |
| **II. Mua hàng** | | | |

| I | Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Năm 2018 |
|---|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Mua dịch vụ cước phí điện thoại, internet, email, ... | **487.182.202** |
| 2 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **200.033.806.155** |
| | | *Thuê dịch vụ chăm sóc khách hàng xổ số điện toán và dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *1.752.336.195* |
| | | *Mua tệp khách hàng đang sử dụng mạng điện thoại Mobifone để triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank) trong lĩnh vực Tài chính tiêu dùng* | *17.376.078.500* |
| | | *Mua hàng hóa thiết bị phụ vụ các dự án kinh doanh khối Chính phủ doanh nghiệp của Công ty* | *166.668.118.733* |
| | | *Mua điện thoại Samsung để thực hiện hoạt động xuất khẩu năm 2018* | *14.237.272.727* |
| 3 | Công ty cổ phần ITTA | **Tổng cộng** | **4.284.766.356** |
| | | *Xin giấy phép kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng* | *2.940.440.000* |
| | | *Thuê dịch vụ lắp đặt thiết bị viễn thông cho ZTE tại mạng Vietnammobile* | *1.215.680.704* |
| | | *Thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong tòa nhà C-land tại Hà Nội năm 2018* | *128.645.652* |
| **III. Cổ tức đã trả** | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Công ty trả cổ tức năm 2017 | **12.140.529.600** |
| **IV. Cổ tức nhận được trong kỳ** | | | |
| 1 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | Công ty nhận tiền chia cổ tức năm 2017 & tạm ứng cổ tức 2018 | **26.550.000.000** |
| 2 | Công ty cổ phần ITTA | Công ty nhận tiền chia cổ tức năm 2017& cổ tức 2013-2016 chi thêm | **1.206.400.000** |
| **V. Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT được hưởng trong năm** | | | |
| 1 | Lương và các quyền lợi gộp khác | | **14.609.819.012** |

Số dư với các bên liên quan:

*Đvt: VND*

| I | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Các khoản phải thu** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | **983.031.732.558** | **784.210.964.931** |
| | | *Tiền bán thiết bị CNTT (Thiết bị mạng MANE 27 tỉnh/ thành phố; MANE Hà Nội; MANE 27 tỉnh và thiết bị dự phòng)* | *618.996.789.622* | *212.204.569.453* |

| I | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|---|---|---|---|
| | | *Tiền bán thiết bị vô tuyến* | *168.006.648.095* | *373.666.056.698* |
| | | *Tiền bán thiết bị GPON* | *19.291.057.037* | *32.538.735.000* |
| | | *Tiền bán thiết bị nguồn DC cho các trạm vô tuyến* | *67.315.316.780* | *122.340.179.219* |
| | | *Tiền bán thiết bị Wifi* | | *2.844.312.607* |
| | | *Tiền bán thiết bị Firewall* | *564.436.800* | - |
| | | *Tiền bán thiết bị cơ điện* | *17.940.615.000* | - |
| | | *Tiền bán thiết bị các trạm trung tâm dữ liệu IDC Nam Thăng Long & Tân Thuận* | *36.009.596.595* | - |
| | | *Tiền bán thiết bị mạng máy tính* | *1.046.212.097* | - |
| | | *Tiền cho thuê thiết bị phủ sóng di động trong các tòa nhà cao tầng* | *963.310.469* | *2.160.154.123* |
| | | *Tiền cung cấp dịch vụ di chuyển lắp đặt thiết bị viễn thông và thiết bị phụ trợ khác* | *52.602.972.383* | *37.500.033.412* |
| | | *Tiền cung cấp dịch vụ lời nhắn thoại "chuyển đổi giọng nói thành văn bản"* | *233.999.905* | *894.020.171* |
| | | *Tiền cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *60.777.775* | *62.904.248* |
| 2 | CTCP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | **Tổng cộng** | **29.335.144** | - |
| | | *Tiền điện sử dụng cho văn phòng thuê tại 158/2 Hồng Mai, Hà Nội* | *24.335.144* | - |
| | | *Tiền cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Số xố điện toán* | *5.000.000* | - |
| 3 | Công ty cổ phần ITTA | Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng trong các tòa nhà cao tầng khu vực phía Nam | **53.338.758** | **317.534.203** |
| 4 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | Tiền cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan tại trụ sở chi nhánh Miền Nam | **14.652.620** | - |
| **II. Các khoản phải trả** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | Tiền sử dụng dịch vụ cước phí điện thoại, internet, email, ... | **296.116.289** | **265.166.289** |
| 2 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE) | **Tổng cộng** | **21.714.578** | **351.714.578** |
| | | *Tiền mua xe ô tô đang sử dụng của HTE* | | *330.000.000* |
| | | *Tiền mua dịch vụ giám sát, hòa mạng trạm di động 4G mạng Vinaphone* | *21.714.578* | *21.714.578* |
| 3 | CTCP Thương mại | **Tổng cộng** | **78.551.904.664** | **3.355.094.358** |

| I | Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|---|---|---|---|
| | Viễn thông Tin học Bưu điện *(Tên mới: CTCP Đầu tư Kỹ thuật số Việt - Giấy ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 24/04/2019)* | *Tiền thuê dịch vụ chăm sóc khách hàng xổ số điện toán và dịch vụ giá trị gia tăng khác* | *213.749.250* | *303.487.454* |
| | | *Tiền mua tệp khách hàng đang sử dụng mạng điện thoại Mobifone để triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank) trong lĩnh vực Tài chính tiêu dùng* | *195.930.429* | *3.051.606.904* |
| | | *Tiền mua dịch vụ đường truyền truy cập từ xa triển khai dự án* | *466.200.000* | - |
| | | *Tiền mua hàng hóa thiết bị phụ vụ các dự án kinh doanh lĩnh vực cơ điện (M&E)* | *77.676.024.985* | - |
| 4 | Công ty cổ phần ITTA | **Tổng cộng** | **1.697.751.274** | **836.000.000** |
| | | *Chi phí xin giấy phép kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng* | *1.157.653.457* | *760.000.000* |
| | | *Tiền thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng di động trong tòa nhà Cland tại Hà Nội* | *128.645.652* | *76.000.000* |
| | | *Tiền thuê dịch vụ lắp đặt thiết bị viễn thông cho ZTE tại mạng Vietnammobile* | *411.452.165* | - |
| **II. Các khoản người mua trả tiền trước** | | | | |
| 1 | Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) | **Tổng cộng** | - | **552.594.986** |
| | | *Công ty nhận trước tiền cho số hàng hoá sẽ bàn giao theo hợp đồng cung cấp thiết bị mạng máy tính* | - | *231.570.986* |
| | | *Công ty nhận trước tiền cho số thiết bị sẽ bàn giao theo hợp đồng cung cấp Accu* | - | *321.024.000* |

Trên đây là phần giải trình về báo cáo tài chính của Công ty năm 2017, 2018. Kính mong Quý Sở giao dịch tiến hành thẩm định hồ sơ niêm yết cho CTIN.

Trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

*Nơi nhận:*
- Như trên;
- Lưu VP.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HÀ THANH HẢI**

## XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN

Chúng tôi xác nhận các thông tin giải trình trong công văn này là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty cũng như báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và 2018.

**Bùi Ngọc Bình**
**Phó Tổng Giám đốc**
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**